

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2015/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 03 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư
và quản lý, khai thác công trình cấp nước tập trung
nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ Tài chính-Bộ Xây dựng-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 168/TTr-SNN-CTN ngày 22/6/2015 và Báo cáo thẩm định số: 79/BC-STP ngày 22/6/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ ưu đãi đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm nước sạch và VSMTNT và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH**

**Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác
công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy định này quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp) và quản lý, khai thác các công trình cấp nước theo hệ thống tập trung, phục vụ nước cho sinh hoạt và mục đích khác, đồng thời cấp nước cho dân cư đô thị (dân cư khu vực thị trấn) và dân cư nông thôn được đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên từ các nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, vốn tài trợ của các tổ chức Quốc tế, vốn tín dụng ưu đãi, vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

Các cơ quan Nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình cấp nước tập trung nông thôn (sau đây gọi tắt là Công trình) là một hệ thống gồm: Công trình khai thác và xử lý nước; đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước; các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành công trình (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị) và các công trình phụ trợ có liên quan; Công trình cấp nước tập trung bao gồm các loại hình:

a) Công trình tự chảy là công trình không sử dụng bơm nhưng nước từ đầu nguồn tự chảy vào đường ống dẫn nước về phân phối đến cụm dân cư hoặc đến hộ dân sử dụng nước.

b) Công trình cấp nước động lực là công trình gồm liên hoàn các hạng mục: Công trình khai thác và xử lý nước; đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước; các công trình hỗ trợ quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

c) Công trình cấp nước đầu nổi là công trình do chủ đầu tư chỉ thực hiện đầu tư đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước, còn nguồn nước được cung cấp từ một công trình cấp nước động lực do đơn vị khác quản lý, vận hành và trả tiền sử dụng nước cho đơn vị quản lý công trình theo chỉ số tại đồng hồ tổng, thu tiền sử dụng nước từ các hộ dân được cấp nước theo chỉ số đồng hồ tại hộ gia đình.

d) Công trình cấp nước kết hợp là công trình do chủ đầu tư đầu tư kết hợp cả hai loại, gồm: Công trình cấp nước động lực và Công trình cấp nước đầu nổi.

2. Tiêu chí Nước hợp vệ sinh (viết tắt: HVS) do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành tại Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/10/2012 là nguồn

nước cấp từ các công trình cấp nước tập trung được sử dụng trực tiếp hoặc sau khi xử lý thỏa mãn các điều kiện: Trong, không màu, không mùi, không vị theo quy định.

3. Tiêu chí Nước đạt Tiêu chuẩn QCVN 02:2009/BYT (Viết tắt: QC 02) do Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 từ công trình cấp nước tập trung là Nước đã qua xử lý, khử trùng đạt tất cả các chỉ tiêu theo quy định với thời gian kiểm tra chất lượng nước theo định kỳ:

- Xét nghiệm đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ A: Ít nhất 01 lần/03 tháng do đơn vị cung cấp nước thực hiện.

- Xét nghiệm ít nhất 01 lần/06 tháng do Trung tâm Y tế dự phòng Tỉnh thực hiện.

- Xét nghiệm đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ B: Ít nhất 01 lần/06 tháng do đơn vị cung cấp nước thực hiện.

- Xét nghiệm ít nhất 01 lần/01 năm do Trung tâm Y tế dự phòng Tỉnh thực hiện.

(Chi tiết như Phụ lục Bảng giới hạn chỉ tiêu chất lượng nước chi tiết kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế; các chỉ tiêu có thể được xác định bằng phương pháp thử nhanh sử dụng bộ công cụ xét nghiệm tại hiện trường; các bộ công cụ xét nghiệm tại hiện trường phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành).

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 3. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Tổ chức, cá nhân (gọi tắt là đơn vị) tham gia đầu tư (xây mới, cải tạo, nâng cấp) và quản lý, khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo quy hoạch phê duyệt thì được áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể:

1. Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước và huy động vốn

- Mức hỗ trợ theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- + Không quá 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ (vùng I).

- + Không quá 60% đối với vùng đồng bằng, vùng Duyên hải (vùng II).

- + Không quá 75% đối với các vùng nông thôn khác (vùng III).

- + Không quá 90% đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới (vùng IV).

(Áp dụng điểm a, Khoản 1, Điều 6 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014; Chi tiết theo như Phụ lục Danh sách các vùng hỗ trợ đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên).

- Được vay vốn tín dụng ưu đãi, ưu tiên vay lại từ các nguồn vốn do các tổ chức Quốc tế cho Tỉnh vay ưu đãi để thực hiện Chương trình nước và vệ sinh môi trường; được nhận vốn tài trợ không hoàn lại của tổ chức Quốc tế (nếu có); được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, góp vốn từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan *(áp dụng Điều 7 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014).*

2. Ưu đãi về đất đai

Được thuê đất và miễn tiền thuê đất suốt toàn bộ thời gian hoạt động của công trình, được ưu tiên quỹ đất cho việc xây dựng công trình dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được UBND Tỉnh phê duyệt và được hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng từ ngân sách Nhà nước (*áp dụng điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ*).

UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng sạch cho Chủ đầu tư thực hiện dự án. Trường hợp Chủ đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất xây dựng công trình sẽ được ngân sách Nhà nước hoàn trả ngay sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (*áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường*).

3. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động (*áp dụng Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ*).

4. Hỗ trợ giá tiêu thụ nước

Đơn vị cấp nước xây dựng phương án giá bán nước hộ dân nông thôn tại mỗi công trình, trình Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT thẩm định trước khi trình UBND Tỉnh quyết định; giá nước phục vụ cho các mục đích sử dụng khác do các bên tự thỏa thuận.

Trường hợp giá bán nước tại các công trình cấp nước tập trung nông thôn do UBND Tỉnh quyết định thấp hơn giá thành của phương án sản xuất được tính đúng, tính đủ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và các tài liệu liên quan khác thì hàng năm UBND Tỉnh xem xét, cấp hỗ trợ chênh lệch giá từ ngân sách Nhà nước.

Điều kiện, quy trình xét cấp hỗ trợ: Áp dụng khoản 2, Điều 8 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Công tác tổ chức thực hiện dự án

Các đơn vị thực hiện đầu tư công trình (xây mới, nâng cấp, cải tạo) từ nguồn vốn tín dụng, vốn vay ưu đãi; vốn dưới dạng góp cổ phần, vốn góp từ người lao động trong đơn vị, cộng đồng; các nguồn vốn hợp pháp khác phải thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; trường hợp Chủ đầu tư được áp dụng hình thức tự thực hiện đối với các gói thầu của dự án khi Chủ đầu tư có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 61 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 4. Quy trình tham gia đầu tư, quản lý các hoạt động cấp nước nông thôn

Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND Tỉnh phê duyệt và niêm yết công khai danh mục các công trình đề kêu gọi đầu tư (xây mới, nâng cấp, cải tạo) hoặc tham gia quản lý vận hành công trình; trong đó:

1. Trường hợp đầu tư xây mới công trình

Các đơn vị lập Dự án đầu tư nêu rõ các nội dung cần thiết: Mục tiêu, địa điểm, quy mô, công suất, công nghệ, nguồn vốn và tổng mức đầu tư, Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án, hình thức đầu tư, thời gian đầu tư, phân kỳ đầu tư; các bản vẽ thể hiện được các giải pháp về kiến trúc; kích thước, kết cấu chính; mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng; các giải pháp kỹ thuật, giải pháp về xây dựng; công nghệ, trang thiết bị công trình, chủng loại vật liệu xây dựng chủ yếu được sử dụng để xây dựng công trình.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận hồ sơ đăng ký đầu tư xây mới công trình, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tính khả thi của Dự án và trình UBND Tỉnh quyết định chủ trương.

2. Trường hợp nâng cấp, cải tạo công trình để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho người dân vùng dự án và thực hiện các dịch vụ cấp nước tốt hơn đơn vị đang quản lý vận hành công trình

- Công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có kết hợp lồng ghép với các nguồn vốn do tổ chức, cá nhân huy động để đầu tư, nâng cấp, cải tạo: Căn cứ giá trị khấu hao tài sản công trình theo Phương pháp đường thẳng là 5%/năm để tính giá trị còn lại của công trình hoặc căn cứ giá trị thực tế do Hội đồng xác định giá công trình (*Hội đồng do UBND tỉnh Phú Yên quyết định thành lập, áp dụng Điều 26 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/05/2013 của Bộ Tài chính*) các đơn vị lập dự án nâng cấp, cải tạo công trình theo các nội dung lập dự án đầu tư xây mới công trình và phải chứng minh được khả năng đáp ứng nhu cầu cấp nước cho người dân và các dịch vụ cấp nước tốt hơn đơn vị đang quản lý vận hành công trình; ngoài ra phải có phương án nhận nợ và trả nợ phần vốn đã đầu tư hiện đang còn lại của công trình cho Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân đã đầu tư xây dựng và đang quản lý công trình.

- Công trình được đầu tư từ nguồn vốn do các đơn vị vay tín dụng hoặc huy động để đầu tư theo quy định tại điểm 1, Điều này: Hai đơn vị (đơn vị đang quản lý công trình và đơn vị đăng ký mới) tiến hành đánh giá và thỏa thuận giá trị còn lại của công trình; trên cơ sở đó, đơn vị mới tiến hành lập Dự án nâng cấp, cải tạo công trình theo các nội dung lập dự án đầu tư xây mới; trong đó: Phải chứng minh được khả năng đáp ứng nhu cầu cấp nước cho người dân và các dịch vụ cấp nước tốt hơn đơn vị đang quản lý vận hành công trình; ngoài ra phải có phương án nhận nợ và trả nợ phần vốn còn lại của công trình cho đơn vị đã đầu tư xây dựng công trình.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận Hồ sơ đăng ký nâng cấp, cải tạo công trình, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét tính khả thi của Dự án và trình UBND tỉnh Phú Yên quyết định chủ trương.

Trường hợp thay đổi Mô hình quản lý vận hành công trình:

Các tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ đăng ký tham gia quản lý vận hành và khai thác công trình tại Sở Nông nghiệp và PTNT, kèm theo phương án tổ chức lại sản xuất, quản lý cung cấp nước sạch, ký kết với chính quyền địa phương (UBND xã đối với công trình trên địa bàn một xã, với UBND huyện đối với công trình cấp nước liên xã)

các thỏa thuận về yêu cầu quản lý mới đảm bảo khai thác, cung cấp nước sạch nông thôn.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét phương án và lựa chọn tổ chức, cá nhân mới trình UBND tỉnh Phú Yên xem xét, quyết định đơn vị tham gia quản lý vận hành và khai thác công trình.

Chương III

XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN

Điều 5. Hội đồng xác định giá công trình

1. Nhiệm vụ Hội đồng: Tổ chức xác định giá trị còn lại của công trình cấp nước tập trung nông thôn được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và đưa ra phương thức thanh lý công trình (Bán; phá dỡ, hủy bỏ).

2. Thành phần Hội đồng: Lãnh đạo Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng; đại diện các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện nơi có công trình là thành viên.

Điều 6. Hội đồng bán đấu giá công trình

1. Nhiệm vụ Hội đồng: Thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản để bán đấu giá tài sản công trình cấp nước tập trung nông thôn được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và đã được Hội đồng xác định giá bán giao hồ sơ.

2. Thành phần Hội đồng: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT là Chủ tịch Hội đồng; đại diện các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện nơi có công trình là thành viên.

Chương IV

NGUYÊN TẮC VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CẤP NƯỚC

Điều 7. Khai thác, sử dụng nguồn nước

Việc tổ chức khai thác nguồn nước để cung cấp cho các công trình cấp nước tập trung nông thôn, phải thực hiện theo Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 17/02/2011 của UBND tỉnh Phú Yên V/v Phê duyệt quy hoạch tổng thể sử dụng tài nguyên nước tỉnh Phú Yên đến năm 2015 và dự báo đến năm 2020; Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 của UBND tỉnh Phú Yên V/v Phê duyệt quy hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2020.

Điều 8. Quản lý, sử dụng và khai thác công trình

Tất cả các công trình cấp nước tập trung nông thôn khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, đơn vị trực tiếp quản lý công trình phải kê khai và nộp kèm theo ba bộ hồ sơ công trình để Sở Nông nghiệp và PTNT xác nhận trước khi Sở Tài chính nhập vào dữ liệu quản lý và trình UBND Tỉnh ban hành quyết định giao công trình cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình (*áp dụng Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính*).

Điều 9. Bảo trì công trình

Hàng năm, đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác công trình có trách nhiệm lập dự toán, phê duyệt và tổ chức thực hiện bảo trì trình công trình theo đúng định mức kỹ thuật, đúng các nội dung quy định tại Điều 22, Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND Tỉnh về việc ban hành quy định bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, đảm bảo duy trì công trình hoạt động bền vững, có hiệu quả.

Điều 10. Bảo đảm ổn định dịch vụ cấp nước

1. Đơn vị cấp nước phải xây dựng phương án sản xuất và tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật và hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết.

2. Trong trường hợp có sự cố xảy ra trên hệ thống cấp nước:

a) Đơn vị cấp nước cần thông báo kịp thời cho các khách hàng sử dụng nước có biện pháp dự trữ nước trong thời gian khôi phục dịch vụ cấp nước.

b) Nếu thời gian khắc phục sự cố kéo dài, đơn vị cấp nước phải phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp cấp nước tạm thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân ở khu vực bị ảnh hưởng.

Điều 11. Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Việc cung cấp nước sinh hoạt cho các hộ sử dụng nước phải được ký kết hợp đồng giữa đơn vị cấp nước với hộ gia đình dùng nước; Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý để thực hiện và giải quyết các vấn đề giữa hai bên.

2. Hợp đồng dịch vụ cấp nước bao gồm các nội dung cơ bản: Chủ thể hợp đồng; mục đích sử dụng nước; tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ; quyền và nghĩa vụ của các bên; giá nước, phương thức và thời hạn thanh toán; điều kiện chấm dứt hợp đồng; xử lý vi phạm hợp đồng; các nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

Điều 12. Thiết bị đo đếm nước

1. Thiết bị đo đếm nước (gọi là đồng hồ nước) phải được cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt mẫu phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và được đơn vị có chức năng đo lường kiểm chuẩn, niêm phong; khi đồng hồ nước hết thời gian kiểm chuẩn cho phép thì đơn vị cấp nước có kế hoạch và vận động nhân dân đóng góp kinh phí để kiểm chuẩn và niêm phong lại.

2. Khách hàng sử dụng nước phải bảo vệ đồng hồ nước lắp đặt trong khu vực quản lý do hai bên đã thỏa thuận trong quá trình lắp đặt và thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện đồng hồ nước bị mất hoặc bị hỏng; phải kiểm tra, giám sát chỉ số đồng hồ nước.

Điều 13. Tạm ngừng, ngừng và chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước: Đơn vị cấp nước tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong trường hợp khách hàng sử dụng nước có yêu cầu vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm ngừng kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Ngừng dịch vụ cấp nước: Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước từ điểm đầu nối nếu khách hàng là hộ dân sử dụng nước không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của hợp đồng dịch vụ cấp nước sau 05 tuần kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước; các

đơn vị khác là sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đến khách hàng sử dụng nước về việc ngừng dịch vụ cấp nước (*áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 45 Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch*).

3. Chấm dứt hợp đồng: Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước khi bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng hoặc khách hàng sử dụng nước không còn nhu cầu sử dụng nước.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC

Điều 14. Các khoản thu và chi

1. Thu tiền sử dụng nước hàng tháng đo được trên đồng hồ bằng hóa đơn do cơ quan thuế ban hành và theo dõi.

2. Thu tiền vật tư, lắp đặt hệ thống nước từ đường ống phân phối vào hộ gia đình theo dự toán được duyệt phù hợp với các quy định hiện hành và thu tiền các hoạt động dịch vụ khác thuộc lĩnh vực cấp nước phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị.

3. Các nội dung chi phải đúng với quy định của Nhà nước và của cơ quan tài chính cấp trên hướng dẫn.

4. Mở các loại sổ sách theo dõi tình hình thu-chi, lưu chứng từ và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định chế độ tài chính (bao gồm cả phần vốn của các tổ chức, cá nhân góp vốn hoặc vốn vay và phần vốn của Nhà nước hỗ trợ).

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm đơn vị cấp nước

1. Quản lý, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình; đảm bảo cung cấp nước theo năng lực của công trình, định kỳ kiểm tra chất lượng nước theo quy định để đảm bảo cung cấp nước theo nhiệm vụ của công trình.

2. Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất; Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định hiện hành.

3. Xây dựng kế hoạch về lộ trình giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch hàng năm và 05 năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn công trình cấp nước; phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ, khai thác và sử dụng công trình cấp nước tập trung nông thôn.

5. Báo cáo đột xuất khi được yêu cầu và định kỳ theo quy định tới chính quyền địa phương và cơ quan quản lý Nhà nước về cấp nước ở địa phương và Trung ương.

6. Trong quá trình hoạt động đầu tư và quản lý, khai thác công trình phải chấp hành đầy đủ các quy định chế độ, chính sách hiện hành có liên quan và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Tham mưu cho UBND Tỉnh về quản lý Nhà nước đối với các hoạt động cung cấp nước sạch ở nông thôn trên địa bàn Tỉnh.

b) Tổ chức lập, rà soát quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về cung cấp nước sạch nông thôn; lập danh mục đầu tư trên từng địa bàn. Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các công trình nước sạch phục vụ nông thôn đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình UBND Tỉnh các cơ chế chính sách khuyến khích đặc thù ở địa phương (nếu có). Tuyên truyền, phổ biến các chính sách ưu đãi của Nhà nước, của địa phương đối với hoạt động cấp nước sạch ở nông thôn.

d) Rà soát, kiểm tra hoạt động của các đơn vị cấp nước; tổng kết kinh nghiệm các mô hình quản lý, đề xuất các biện pháp đảm bảo đơn vị cấp nước hoạt động hiệu quả, bền vững.

e) Xây dựng kế hoạch tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật khai thác, quản lý, vận hành công trình cho các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác vận hành quản lý công trình trên địa bàn Tỉnh.

g) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp các nhu cầu hỗ trợ vốn hàng năm theo các công trình xã hội hóa trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, thẩm định các phương án giá tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Bộ Tài chính ban hành và thực tế của địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan bố trí vốn cho công trình cấp nước sạch nông thôn.

c) Căn cứ điều kiện thực tế, Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể hồ sơ, thủ tục hỗ trợ, quyết toán kinh phí hỗ trợ giá phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Xem xét, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ giá nước sạch ghi vào kế hoạch ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Hướng dẫn các thành phần kinh tế tổ chức quản lý tài chính ở các đơn vị cấp nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lập danh mục đầu tư các công trình cấp nước sạch nông thôn và các công trình phải chuyển đổi mô hình quản lý, vận hành trình UBND Tỉnh phê duyệt để kêu gọi đầu tư trên địa bàn.

b) Hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện các phương thức tham gia hoạt động cấp nước sạch nông thôn trong đầu tư xây dựng và quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn (như thỏa thuận, đấu thầu và đặt hàng).

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc phân bổ vốn nước sạch nông thôn; tổ chức thực hiện lồng ghép với các Chương trình có cùng mục tiêu trên địa bàn.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét mức hỗ trợ đầu tư cho các công trình về nước sạch trên địa bàn trình UBND Tỉnh quyết định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu cho UBND Tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định hiện hành và kiểm tra việc thực hiện.

5. Sở Y tế

Tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ chất lượng nước tại các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn Tỉnh theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 17. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực cấp nước ở địa phương theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt, bảo đảm hoạt động cấp nước được thực hiện liên tục, bảo vệ môi trường bền vững; bố trí cán bộ thuộc phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) theo dõi lĩnh vực cấp nước trên địa bàn huyện.

2. Chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện dịch vụ cấp nước nông thôn theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các Nhà đầu tư trong suốt quá trình đầu tư, khai thác công trình, đồng thời bảo đảm quyền lợi của người dân sử dụng nước sinh hoạt.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đất đai, ưu đãi cho công trình và bảo vệ kết cấu của công trình, hành lang an toàn trong và ngoài công trình theo quy định của pháp luật, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm sử dụng trái phép đất trong hành lang an toàn của công trình.

4. Chỉ đạo UBND cấp xã vận động người dân sử dụng nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm, tham gia bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Triển khai thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện dịch vụ cấp nước theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các Nhà đầu tư trong suốt quá trình đầu tư, khai thác công trình, đồng thời bảo đảm quyền lợi của người dân sử dụng nước sinh hoạt.

2. Vận động nhân dân tham gia sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung và đóng góp kinh phí để mở mạng cấp nước đến hộ gia đình; phối hợp cùng với đơn vị quản lý, khai thác công trình tổ chức kiểm tra, bảo vệ công trình và bảo vệ nguồn nước.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Các cơ quan Nhà nước; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đầu tư, quản lý vận hành và khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Phú Yên xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự